



**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU
TƯ DRAGON
CAPITAL VIỆT NAM**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL
VIỆT NAM
DN: c=VN, st=HỒ CHÍ MINH, l=QUẬN 1,
cn=CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ DRAGON CAPITAL VIỆT NAM,
0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:03029916
07
Date: 2026.03.18 10:24:10 +07'00'

**Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư
Dragon Capital Việt Nam**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025**



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 01/GPĐT-UBCKNN **ngày 15 tháng 7 năm 2003**

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số

179/QĐ-UBCK	ngày 18 tháng 8 năm 2003
58/QĐ-UBCK	ngày 7 tháng 3 năm 2005
766/QĐ-UBCK	ngày 8 tháng 12 năm 2006
253/QĐ-UBCK	ngày 5 tháng 4 năm 2007
16/UBCK-GP	ngày 23 tháng 6 năm 2008
45/UBCK-GP	ngày 8 tháng 1 năm 2009
63/UBCK-GP	ngày 24 tháng 2 năm 2010
73/UBCK-GP	ngày 24 tháng 6 năm 2010
79/UBCK-GP	ngày 04 tháng 11 năm 2010
361/QĐ-UBCK	ngày 18 tháng 4 năm 2012
36/GPĐC-UBCK	ngày 28 tháng 5 năm 2012
17/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 6 năm 2013
06/GPĐC-UBCK	ngày 30 tháng 1 năm 2019
88/GPĐC-UBCK	ngày 30 tháng 12 năm 2020
39/GPĐC-UBCK	ngày 8 tháng 6 năm 2021
37/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 5 năm 2024
96/GPĐC-UBCK	ngày 29 tháng 9 năm 2025

Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45/UBCK-GP.

Hội đồng Quản trị	Ông Dominic Timothy Charles Scriven	Chủ tịch
	Ông Trần Thanh Tân	Phó Chủ tịch
	Ông Beat Schurch	Thành viên
	Ông Lê Anh Minh	Thành viên
	Ông Nguyễn Quốc Huân (Johan Nyvene)	Thành viên độc lập
	Ông Roberts Nicholas Lloyd	Thành viên độc lập (từ ngày 16 tháng 4 năm 2025)

Ban Giám đốc	Ông Lê Anh Tuấn	Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 9 năm 2025)
	Ông Beat Schurch	Tổng Giám đốc (đến ngày 29 tháng 9 năm 2025)

Ủy Ban Kiểm toán	Ông Roberts Nicholas Lloyd	Chủ tịch (từ ngày 18 tháng 4 năm 2025)
	Ông Nguyễn Quốc Huân (Johan Nyvene)	Chủ tịch (đến ngày 18 tháng 4 năm 2025)
		Thành viên (từ ngày 18 tháng 4 năm 2025)
	Ông Lê Anh Minh	Thành viên

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Trụ sở đăng ký

Tầng 15, Tòa nhà Mê Linh Point
Số 2 Ngõ Đức Kế, Phường Sài Gòn
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 61 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 6 đến trang 61.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-01-00478-26-1



Hà Vũ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2026

Phạm Huy Cường

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2675-2024-007-1



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B01 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		881.758.455.214	843.132.187.332
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	168.128.197.591	258.593.484.498
Tiền	111		3.128.197.591	8.593.484.498
Các khoản tương đương tiền	112		165.000.000.000	250.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	570.429.112.549	453.591.922.161
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	121		574.405.553.712	459.375.410.948
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(3.976.441.163)	(5.783.488.787)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		131.369.793.673	114.315.084.093
Trả trước cho người bán	132		516.946.599	1.270.176.538
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	130.275.788.684	112.180.057.175
Phải thu ngắn hạn khác	135	7(a)	577.058.390	864.850.380
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.831.351.401	16.631.696.580
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11(a)	11.831.351.401	16.631.696.580
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 260)	200		146.671.324.610	222.484.613.920
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.438.548.420	8.156.383.720
Phải thu dài hạn khác	218	7(b)	8.438.548.420	8.156.383.720
Tài sản cố định	220		92.758.267.401	171.362.471.011
Tài sản cố định hữu hình	221	8	3.751.653.868	4.595.141.307
Nguyên giá	222		24.991.358.682	22.897.988.082
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.239.704.814)	(18.302.846.775)
Tài sản cố định vô hình	227	9	76.274.204.505	157.613.078.827
Nguyên giá	228		149.087.205.601	220.990.945.306
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(72.813.001.096)	(63.377.866.479)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	12.732.409.028	9.154.250.877
Tài sản dài hạn khác	260		45.474.508.789	42.965.759.189
Chi phí trả trước dài hạn	261	11(b)	7.118.275.774	13.429.531.217
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	12	38.356.233.015	29.536.227.972
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.028.429.779.824	1.065.616.801.252

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		250.979.677.540	221.075.256.105
Nợ ngắn hạn	310		250.979.677.540	221.075.256.105
Phải trả người bán ngắn hạn	312	13	2.332.622.225	19.011.197.845
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	60.537.716.212	58.166.890.623
Phải trả người lao động	315		111.871.653	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	15	181.781.165.075	137.680.865.262
Phải trả ngắn hạn khác	319		6.216.302.375	6.216.302.375
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		777.450.102.284	844.541.545.147
Vốn cổ phần	411	16	312.011.430.000	312.011.430.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		6.963.180.000	6.963.180.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		17.754.075.939	17.754.075.939
Lợi nhuận chưa phân phối	420		440.721.416.345	507.812.859.208
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.028.429.779.824	1.065.616.801.252

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Ngoại tệ các loại	005	18	956.764.622	2.689.926.831
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	19	172.620.572.941	40.102.524.581
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		172.620.572.941	40.102.524.581
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	20	1.250.888.077.181	580.999.435.528
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		1.250.888.077.181	580.999.435.528
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	21	141.975.784.141	52.457.773.054
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	22	1.273.020.658	1.106.148.269

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Ông Nguyễn Ngọc Hiệp
Kế toán trưởng




Ông Lê Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B02 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

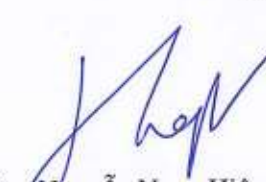
	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	23	1.075.083.947.514	1.060.814.153.979
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	23.383.167.601	100.470.646.399
Chi phí tài chính	22	25	(682.748.475)	1.244.467.178
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	884.664.746.004	863.266.421.237
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 10 + 21 - 22 - 25)	30		214.485.117.586	296.773.911.963
Thu nhập khác	31		11.441.000	-
Chi phí khác	32	27	63.972.003.162	-
Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(63.960.562.162)	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		150.524.555.424	296.773.911.963
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	42.349.259.630	61.594.870.486
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	28	(8.820.005.043)	(238.558.109)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		116.995.300.837	235.417.599.586
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	3.750	7.298

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Người lập:


 Ông Nguyễn Hữu Tuấn
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Ông Nguyễn Ngọc Hiệp
 Kế toán trưởng


 Ông Lê Anh Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ và doanh thu khác	01	1.056.988.216.005	1.057.698.868.471
Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(276.412.326.685)	(299.643.527.025)
Tiền chi trả cho người lao động	03	(345.767.490.458)	(363.279.525.866)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(40.702.594.468)	(61.844.994.536)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.037.880.860	12.910.665.785
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(178.594.704.892)	(154.449.664.189)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	222.548.980.362	191.391.822.640
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(30.259.735.836)	(63.233.051.069)
Tiền thu từ thanh lý các công cụ nợ	24	-	37.910.970.411
Tiền chi đầu tư vào chứng chỉ quỹ	25	(130.685.782.764)	(378.182.704.400)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	24.242.400.000	484.930.859.503
Tiền thu từ lãi và cổ tức	27	7.648.457.542	15.700.100.106
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(129.054.661.058)	97.126.174.551

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B03 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	592.000.000
Tiền chi trả cổ tức	36	(184.086.743.700)	(205.749.943.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(184.086.743.700)	(205.157.943.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(90.592.424.396)	83.360.053.391
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	258.593.484.498	175.182.514.811
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	127.137.489	50.916.296
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	168.128.197.591	258.593.484.498

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Người lập

Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt

Ông Nguyễn Ngọc Hiệp
Kế toán trưởng

Người duyệt

Ông Lê Anh Tuấn
Tổng Giám đốc



Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B05 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	311.419.430.000	6.963.180.000	25.792.349.257	17.754.075.939	460.208.832.165	822.137.867.361
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 16)	592.000.000	-	-	-	-	592.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	235.417.599.586	235.417.599.586
Chia cổ tức	-	-	-	-	(205.749.943.800)	(205.749.943.800)
Hoàn nhập quỹ dự phòng tài chính	-	-	(25.792.349.257)	-	25.792.349.257	-
Trích quỹ khen thưởng	-	-	-	-	(7.855.978.000)	(7.855.978.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	312.011.430.000	6.963.180.000	-	17.754.075.939	507.812.859.208	844.541.545.147
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	116.995.300.837	116.995.300.837
Chia cổ tức (Thuyết minh 17)	-	-	-	-	(184.086.743.700)	(184.086.743.700)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	312.011.430.000	6.963.180.000	-	17.754.075.939	440.721.416.345	777.450.102.284

Người lập

 Ông Nguyễn Hữu Tuấn
 Kế toán tổng hợp

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Người duyệt:



Ông Lê Anh Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 01/GPĐT-UBCKNN do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“UBCKNNVN”) cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003. Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 8 tháng 1 năm 2009 là ngày cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 45/UBCK-GP.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 312.011 triệu VND.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) vào ngày 19 tháng 1 năm 2026 với mã chứng khoán là DCV.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc và nhân sự của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có một (1) Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và một (1) Chi nhánh tại Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 189 nhân viên (31/12/2024: 209 nhân viên), trong đó có 52 nhân viên (31/12/2024: 58 nhân viên) đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản.



2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 (“Thông tư 125”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực kế toán và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính này, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hình thức sổ kế toán

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi nhận các giao dịch phát sinh và hình thức sổ kế toán là nhật ký sổ cái.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào, bán ra để thu lợi trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin và phí ngân hàng (nếu có). Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thực tế trên thị trường thấp hơn giá hạch toán trên sổ sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 (“Thông tư 48”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 7 tháng 4 năm 2022 (“Thông tư 24”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Đối với chứng khoán đã niêm yết (bao gồm cả cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng khoán phái sinh, chứng quyền có đảm bảo đã niêm yết): giá thực tế trên thị trường được tính theo giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trường hợp chứng khoán đã niêm yết trên thị trường mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng thì Công ty xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên UPCOM và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng, giá thực tế trên thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm thì Công ty xác định mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư chứng khoán được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với chứng chỉ quỹ mở, giá thực tế trên thị trường là giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được quỹ công bố.

Đối với cổ phiếu chưa niêm yết và cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch trên UPCOM, Công ty xác định dự phòng rủi ro cho từng chứng khoán bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng lên sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng phát hành và trái phiếu doanh nghiệp giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết hoặc tham khảo tình trạng quá hạn của các khoản phải thu với tỷ lệ trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản phải thu này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-----------|
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 - 8 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 4 đến 8 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí cho tài sản cố định vô hình chưa được lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 3 năm.

(ii) Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí sửa chữa văn phòng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày ở các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Thuế thu nhập

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Vốn cổ phần

Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo hướng dẫn của Thông tư 114, số dư còn lại của các quỹ này có thể được sử dụng như sau:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã được trích lập theo quy định của Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định pháp lý có liên quan khác. Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ này tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và được ghi nhận trong “Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu”.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng để bổ sung vốn điều lệ hoặc được sử dụng theo quyết định của cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông theo quy định pháp lý tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định có liên quan khác. Trong năm 2024, Công ty đã chuyển số dư hiện có của quỹ dự phòng tài chính sang lợi nhuận chưa phân phối theo Quyết định của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 125.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, danh mục đầu tư chứng khoán và quỹ hưu trí, phí mua lại và phí phát hành chứng chỉ quỹ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

(q) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Tài sản được nắm giữ theo hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, không chịu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là tài sản thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các cổ đông lớn và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

(t) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 125 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng các số liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh cho năm trước được bao gồm như một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính năm hiện tại và chỉ nhằm mục đích đọc liên quan đến các số liệu và các thuyết minh khác liên quan đến năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc lưu chuyển tiền tệ của năm trước.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền mặt	88.103.323	89.917.592
Tiền gửi ngân hàng	3.040.094.268	8.503.566.906
Các khoản tương đương tiền (i)	165.000.000.000	250.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	168.128.197.591	258.593.484.498

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và được hưởng lãi suất năm từ 0,50% đến 4,75% tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (31/12/2024: 4,75%).

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chứng khoán kinh doanh (a)	574.405.553.712	459.375.410.948
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (b)	(3.976.441.163)	(5.783.488.787)
	570.429.112.549	453.591.922.161

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025				31/12/2024			
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Dự phòng giảm giá VND
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết								
▪ DCDS	2.850.776,17	226.000.000.000	308.459.740.162	-	2.850.776	226.000.000.000	232.166.270.529	-
▪ DCDE	1.557.043,85	52.500.000.000	48.523.558.837	(3.976.441.163)	-	-	-	-
Chứng chỉ quỹ niêm yết								
▪ FUEDCMID (i)	11.050.000	115.430.467.498	163.650.500.000	-	11.050.000	115.430.467.498	132.600.000.000	-
▪ FUEVFVND	4.050.000	141.001.983.370	155.115.000.000	-	3.050.000	102.289.303.450	102.236.000.000	(53.303.450)
▪ E1VFN30	1.210.000	39.473.102.844	43.668.900.000	-	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết								
▪ THA	-	-	-	-	655.200	15.655.640.000	9.925.454.663	(5.730.185.337)
		574.405.553.712	719.417.698.999	(3.976.441.163)		459.375.410.948	476.927.725.192	(5.783.488.787)

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty nắm giữ 44,38% (31/12/2024: 36,23%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của FUEDCMID. Công ty không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của quỹ này. Theo đó, Công ty không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến quỹ mà chỉ nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn. Do đó, các khoản đầu tư của Công ty vào FUEDCMID được ghi nhận như chứng khoán kinh doanh theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh 3(c).



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(b) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	5.783.488.787	6.339.292.045
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 25)	(1.807.047.624)	(555.803.258)
Số dư cuối năm	3.976.441.163	5.783.488.787

6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán - các bên liên quan (Thuyết minh 29) (i)	82.233.858.340	84.188.504.298
<i>Trong đó:</i>		
▪ Dragon Capital Management (HK) Limited	82.233.858.340	84.188.504.298
Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ - các bên liên quan (Thuyết minh 29) (i):	37.944.942.172	26.885.404.608
<i>Trong đó:</i>		
▪ FUEVFNVD - Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND	8.960.536.293	8.443.362.273
▪ E1VFN30 - Quỹ ETF DCVFMVN30	3.519.791.379	3.735.243.258
▪ VFMVSF - Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn lọc	5.803.629.802	4.871.286.992
▪ DCDS - Quỹ đầu tư Chứng khoán Năng động DC	13.194.855.972	5.118.507.896
▪ DCBF - Quỹ đầu tư Trái phiếu DC	2.556.264.617	2.055.724.235
▪ DCDE - Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Tập trung Cổ tức DC	1.629.650.805	1.030.786.697
▪ DCIP - Quỹ đầu tư Trái phiếu Gia tăng Thu nhập Cổ định DC	1.743.919.278	1.074.647.304
▪ FUEDCMID - Quỹ ETF DCVFMVNMIDCAP	233.178.927	243.350.602
▪ PHUCAN - Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự Nguyễn Phúc An	88.618.247	55.262.125
▪ THINHAN - Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự Nguyễn Thịnh An	174.169.631	107.280.892
▪ VINHAN - Quỹ Hưu Trí Bổ Sung Tự Nguyễn Vĩnh An	40.327.221	149.952.334
Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư:	10.096.988.172	1.106.148.269
<i>Trong đó:</i>		
▪ Các nhà đầu tư ủy thác trong nước	10.096.988.172	1.106.148.269
	130.275.788.684	112.180.057.175

- (i) Các khoản phải thu từ các bên liên quan về hoạt động tư vấn và quản lý không có bảo đảm, không tính lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	270.582.191	481.506.848
Phải thu khác	306.476.199	383.343.532
	577.058.390	864.850.380

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền đặt cọc thuê văn phòng	7.870.038.420	7.369.648.020
Tiền đặt cọc thuê nhà	352.000.000	570.225.700
Phải thu khác	216.510.000	216.510.000
	8.438.548.420	8.156.383.720

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

8. Tài sản cố định hữu hình

2025	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	13.416.415.182	9.481.572.900	22.897.988.082
Tăng trong năm	2.093.370.600	-	2.093.370.600
Số dư cuối năm	15.509.785.782	9.481.572.900	24.991.358.682
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	12.376.863.712	5.925.983.063	18.302.846.775
Khấu hao trong năm	1.356.595.889	1.580.262.150	2.936.858.039
Số dư cuối năm	13.733.459.601	7.506.245.213	21.239.704.814
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.039.551.470	3.555.589.837	4.595.141.307
Số dư cuối năm	1.776.326.181	1.975.327.687	3.751.653.868
2024	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	13.416.415.182	9.481.572.900	22.897.988.082
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	10.913.287.818	4.345.720.913	15.259.008.731
Khấu hao trong năm	1.463.575.894	1.580.262.150	3.043.838.044
Số dư cuối năm	12.376.863.712	5.925.983.063	18.302.846.775
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	2.503.127.364	5.135.851.987	7.638.979.351
Số dư cuối năm	1.039.551.470	3.555.589.837	4.595.141.307

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 11.217.987.682 VND (31/12/2024: 8.967.482.298 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	2025	2024
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	220.990.945.306	157.624.983.794
Tăng trong năm	29.471.400	62.451.300
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	12.815.276.323	63.303.510.212
Xóa sổ	(82.849.534.690)	-
Phân loại lại	(1.898.952.738)	-
Số dư cuối năm	149.087.205.601	220.990.945.306
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	63.377.866.479	31.705.458.371
Khấu hao trong năm	40.404.266.842	31.672.408.108
Xóa sổ	(30.620.990.890)	-
Phân loại lại	(348.141.335)	-
Số dư cuối năm	72.813.001.096	63.377.866.479
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	157.613.078.827	125.919.525.423
Số dư cuối năm	76.274.204.505	157.613.078.827

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá là 14.128.298.596 VND (31/12/2024: 8.854.898.596 VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	9.154.250.877	9.287.161.320
Tăng trong năm	28.449.798.395	63.170.599.769
Xóa sổ	(11.743.459.362)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 9)	(12.815.276.323)	(63.303.510.212)
Kết chuyển vào chi phí quản lý doanh nghiệp	(312.904.559)	-
Số dư cuối năm	12.732.409.028	9.154.250.877

Chi tiết của xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phần mềm giao dịch đầu tư ("DragonX")	6.400.000.000	164.022.330
Phần mềm quản lý dữ liệu khách hàng toàn diện ("CRM")	5.894.549.028	3.389.076.275
Phần mềm quản lý nội dung số ("CMS")	-	3.713.121.397
Phần mềm quản lý chứng chỉ quỹ ("FNZ")	-	1.729.026.316
Phần mềm quản lý đầu tư - Dịch vụ quản lý tài sản ("AMS")	-	159.004.559
Khác	437.860.000	-
	12.732.409.028	9.154.250.877

11. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chi phí tiện ích và công cụ, dụng cụ	7.215.531.246	9.280.580.724
Chi phí quảng cáo	25.123.741	4.058.796.151
Chi phí thuê nhà và thuê văn phòng	1.153.530.882	1.089.923.183
Chi phí bảo hiểm	134.783.808	169.418.671
Chi phí trả trước khác	3.302.381.724	2.032.977.851
	11.831.351.401	16.631.696.580

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

2025	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	9.181.272.094	4.248.259.123	13.429.531.217
Tăng trong năm	2.672.428.662	21.190.000	2.693.618.662
Phân bổ trong năm	(5.847.538.384)	(3.157.335.721)	(9.004.874.105)
Số dư cuối năm	6.006.162.372	1.112.113.402	7.118.275.774

2024	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	11.272.943.344	10.290.485.221	21.563.428.565
Tăng trong năm	4.926.032.409	-	4.926.032.409
Phân bổ trong năm	(7.017.703.659)	(6.042.226.098)	(13.059.929.757)
Số dư cuối năm	9.181.272.094	4.248.259.123	13.429.531.217

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho:</i>			
Chi phí phải trả và dự phòng	20%	38.356.233.015	29.536.227.972

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2025 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	31/12/2024 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần VCCorp	607.376.693	3.490.578.178
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật & Thương mại Tân Đức	465.620.000	-
Công ty Cổ phần Clickmedia	-	11.040.576.190
Các nhà cung cấp khác	1.259.625.532	4.480.043.477
	2.332.622.225	19.011.197.845

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2024 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cần trừ trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.624.198.447	42.349.259.630	(40.702.594.468)	43.270.863.609
Thuế thu nhập cá nhân	16.047.434.037	153.812.611.798	(152.937.370.239)	16.922.675.596
Thuế nhà thầu nước ngoài	495.258.139	9.243.521.984	(9.394.603.116)	344.177.007
	58.166.890.623	205.405.393.412	(203.034.567.823)	60.537.716.212

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Thưởng theo thành tích cho nhân viên	161.818.080.042	116.624.356.500
Phí giới thiệu khách hàng	10.625.895.194	10.572.136.566
Phí tư vấn	4.428.173.849	5.867.847.503
Phí dịch vụ chuyên môn	335.793.600	317.900.000
Chi phí khác	4.573.222.390	4.298.624.693
	181.781.165.075	137.680.865.262

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025		31/12/2024	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Vốn cổ phần được duyệt	31.201.143	312.011.430.000	31.201.143	312.011.430.000
Vốn cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu phổ thông	31.201.143	312.011.430.000	31.201.143	312.011.430.000

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu (%)
Cổ phiếu đang lưu hành – Cổ phiếu phổ thông			
Các cổ đông đang nắm giữ:			
▪ Dragon Capital Markets (Europe) Limited	14.977.341	149.773.410.000	48,00
▪ Dragon Capital Management (HK) Limited	12.464.118	124.641.180.000	39,95
▪ DRE SPC	1.500.000	15.000.000.000	4,81
▪ Nhân viên của Công ty	2.259.684	22.596.840.000	7,24
	31.201.143	312.011.430.000	100,00

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Tỷ lệ vốn chủ sở hữu (%)
Cổ phiếu đang lưu hành – Cổ phiếu phổ thông			
Các cổ đông đang nắm giữ:			
▪ Dragon Capital Markets (Europe) Limited	14.977.341	149.773.410.000	48,00
▪ Dragon Capital Management (HK) Limited	12.894.602	128.946.020.000	41,33
▪ DRE SPC	1.500.000	15.000.000.000	4,81
▪ Nhân viên của Công ty	1.829.200	18.292.000.000	5,86
	31.201.143	312.011.430.000	100,00

Dragon Capital Management (Europe) Limited và Dragon Capital Management (HK) Limited được thành lập lần lượt tại Vương Quốc Anh và Hồng Kông. Công ty mẹ cấp cao nhất, Dragon Capital Group Limited được thành lập tại quần đảo Virgin thuộc Anh.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu có quyền biểu quyết một lần tại các cuộc họp của các cổ đông của Công ty. Cổ đông được nhận cổ tức theo công bố tùy từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông được xếp hạng như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	312.011.430.000	311.419.430.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	592.000.000
Số dư cuối năm	312.011.430.000	312.011.430.000

17. Cổ tức

Theo Nghị quyết số 06.25/ĐHCD-DCVFM ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2024, cổ tức được chia cho cổ đông trong năm 2025 với tổng số tiền là 184.086.743.700 VND, theo đó:

- Trong cuộc họp ngày 29 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua quyết định chia cổ tức đợt 1 năm 2024 với số tiền là 131.044.800.600 VND (4.200 VND/cổ phiếu).
- Trong cuộc họp ngày 8 tháng 10 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua quyết định chia cổ tức đợt 2 năm 2024 với số tiền là 53.041.943.100 VND (1.700 VND/cổ phiếu).

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Trong vòng một năm	31.199.617.834	26.267.182.148
Trong vòng hai đến năm năm	92.475.124.200	68.347.971.634
	123.674.742.034	94.615.153.782

(b) Ngoại tệ

	31/12/2025		31/12/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	36.686	956.764.622	106.530	2.689.926.831

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

19. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Các nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Nhà đầu tư đứng tên		
D001 (i)	86.490.871.419	26.160.921.168
D002 (ii)	231.082.506	54.985.636
D003 (iii)	-	39.603.154
D004 (iv)	8.501.075.966	9.618.771.663
D005 (v)	4.531.788.971	4.228.242.960
D006 (vi)	8.932.607.023	-
D007 (vii)	4.729.862.310	-
D008 (viii)	3.791.092.427	-
D009 (ix)	3.555.333.565	-
D010 (x)	3.405.570.616	-
D011 (xi)	3.423.017.109	-
D012 (xii)	4.007.988.481	-
D013 (xiii)	41.020.282.548	-
	172.620.572.941	40.102.524.581

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong năm của các nhà đầu tư ủy thác như sau:

(i) D001

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	26.160.921.168	8.691.642.188
Tăng trong năm	3.070.325.215.630	760.440.182.225
Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác	161.635.930.900	117.680.899.100
Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn	42.000.000.000	10.000.000.000
Tiền thu từ bán cổ phiếu	2.861.034.005.291	627.867.451.241
Lãi tiền gửi đã nhận	773.616.439	185.561.644
Cổ tức đã nhận	4.881.663.000	4.706.270.240
Giảm trong năm	(3.009.995.265.379)	(742.970.903.245)
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	(37.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tiền chi mua cổ phiếu	(2.960.637.938.102)	(725.972.581.746)
Nhà đầu tư ủy thác rút tiền	(1.380.182.300)	(819.492.700)
Tiền chi trả phí quản lý	(10.977.144.977)	(6.178.828.799)
Số dư cuối năm	86.490.871.419	26.160.921.168

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(ii) D002

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	54.985.636	239.094.331
Tăng trong năm	3.418.340.514	1.666.940.428
Tiền thu từ bán trái phiếu	3.416.666.669	1.666.666.670
Lãi tiền gửi đã nhận	234.009	273.758
Tăng khác	1.439.836	-
Giảm trong năm	(3.242.243.644)	(1.851.049.123)
Nhà đầu tư ủy thác rút tiền	(3.190.000.000)	(1.797.000.000)
Tiền chi trả phí lưu ký	(50.562.120)	(51.784.834)
Tiền chi trả phí quản lý	(1.472.524)	(2.132.289)
Giảm khác	(209.000)	(132.000)
Số dư cuối năm	231.082.506	54.985.636

(iii) D003

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	39.603.154	64.266.835
Tăng trong năm	-	227.684.710.442
Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác	-	22.356.693.900
Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn	-	92.050.000.000
Tiền thu từ rút chứng chỉ tiền gửi	-	25.388.013.698
Tiền thu từ bán trái phiếu	-	78.794.565.058
Lãi trái phiếu đã nhận	-	8.272.501.718
Lãi tiền gửi đã nhận	-	822.936.068
Giảm trong năm	(39.603.154)	(227.709.374.123)
Nhà đầu tư ủy thác rút tiền	(39.603.154)	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	-	(122.010.000.000)
Tiền chi mua trái phiếu	-	(65.907.121.245)
Tiền chi mua chứng chỉ tiền gửi	-	(38.102.671.580)
Tiền chi trả phí quản lý	-	(1.689.581.298)
Số dư cuối năm	-	39.603.154

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(iv) D004

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	9.618.771.663	-
Tăng trong năm	898.157.304.500	662.657.663.686
<i>Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác</i>	<i>110.000.000.000</i>	<i>70.000.000.000</i>
<i>Tiền thu từ bán cổ phiếu</i>	<i>787.145.952.350</i>	<i>591.495.680.140</i>
<i>Lãi tiền gửi đã nhận</i>	<i>56.524.252</i>	<i>34.253.522</i>
<i>Cổ tức đã nhận</i>	<i>954.795.028</i>	<i>1.127.730.024</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>32.870</i>	<i>-</i>
Giảm trong năm	(899.275.000.197)	(653.038.892.023)
<i>Tiền chi mua cổ phiếu</i>	<i>(809.924.808.000)</i>	<i>(649.786.289.300)</i>
<i>Nhà đầu tư ủy thác rút tiền</i>	<i>(84.000.000.000)</i>	<i>-</i>
<i>Tiền chi trả phí môi giới</i>	<i>(2.073.994.207)</i>	<i>(1.809.740.017)</i>
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	<i>(2.135.782.594)</i>	<i>(542.905.960)</i>
<i>Tiền chi trả phí lưu ký</i>	<i>(229.686.344)</i>	<i>(190.333.564)</i>
<i>Tiền chi trả thuế</i>	<i>(910.729.052)</i>	<i>(709.623.182)</i>
Số dư cuối năm	8.501.075.966	9.618.771.663

(v) D005

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	4.228.242.960	-
Tăng trong năm	419.872.582.032	54.907.356.316
<i>Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác</i>	<i>-</i>	<i>20.000.000.000</i>
<i>Tiền thu từ bán cổ phiếu</i>	<i>419.356.445.700</i>	<i>34.892.087.987</i>
<i>Lãi tiền gửi đã nhận</i>	<i>5.211.132</i>	<i>982.029</i>
<i>Cổ tức đã nhận</i>	<i>510.925.200</i>	<i>14.250.000</i>
<i>Tăng khác</i>	<i>-</i>	<i>36.300</i>
Giảm trong năm	(419.569.036.021)	(50.679.113.356)
<i>Nhà đầu tư ủy thác rút tiền</i>	<i>-</i>	<i>(77.988.293)</i>
<i>Tiền chi mua cổ phiếu</i>	<i>(417.011.041.200)</i>	<i>(50.600.227.700)</i>
<i>Tiền chi trả phí môi giới</i>	<i>(1.087.298.581)</i>	<i>-</i>
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	<i>(803.879.521)</i>	<i>-</i>
<i>Tiền chi trả phí lưu ký</i>	<i>(202.916.872)</i>	<i>-</i>
<i>Tiền chi trả thuế</i>	<i>(461.711.947)</i>	<i>-</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>(2.187.900)</i>	<i>(897.363)</i>
Số dư cuối năm	4.531.788.971	4.228.242.960

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(vi) **D006**

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	826.104.989.880	-
<i>Tiền thu từ bán cổ phiếu</i>	825.061.935.250	-
<i>Lãi tiền gửi đã nhận</i>	9.473.630	-
<i>Cổ tức đã nhận</i>	1.033.581.000	-
Giảm trong năm	(817.172.382.857)	-
<i>Tiền chi mua cổ phiếu</i>	(813.778.816.900)	-
<i>Tiền chi trả phí môi giới</i>	(1.803.895.198)	-
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	(487.986.441)	-
<i>Tiền chi trả phí lưu ký</i>	(195.198.677)	-
<i>Tiền chi trả thuế</i>	(904.487.935)	-
<i>Giảm khác</i>	(1.997.706)	-
Số dư cuối năm	8.932.607.023	-

(vii) **D007**

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	449.652.216.751	-
<i>Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác</i>	50.000.000.000	-
<i>Tiền thu từ bán cổ phiếu</i>	399.156.030.050	-
<i>Lãi tiền gửi đã nhận</i>	5.259.951	-
<i>Cổ tức đã nhận</i>	490.926.750	-
Giảm trong năm	(444.922.354.441)	-
<i>Tiền chi mua cổ phiếu</i>	(442.583.505.200)	-
<i>Tiền chi trả phí môi giới</i>	(1.094.276.668)	-
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	(622.594.412)	-
<i>Tiền chi trả phí lưu ký</i>	(180.282.128)	-
<i>Tiền chi trả thuế</i>	(439.716.033)	-
<i>Giảm khác</i>	(1.980.000)	-
Số dư cuối năm	4.729.862.310	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(viii) D008

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	205.639.216.783	-
<i>Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác</i>	45.000.000.000	-
<i>Tiền thu từ bán cổ phiếu</i>	160.429.542.050	-
<i>Lãi tiền gửi đã nhận</i>	2.396.233	-
<i>Cổ tức đã nhận</i>	207.128.500	-
<i>Tăng khác</i>	150.000	-
Giảm trong năm	(201.848.124.356)	-
<i>Tiền chi mua cổ phiếu</i>	(200.919.099.500)	-
<i>Tiền chi trả phí môi giới</i>	(464.142.176)	-
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	(227.440.976)	-
<i>Tiền chi trả phí lưu ký</i>	(72.482.161)	-
<i>Tiền chi trả thuế</i>	(164.959.543)	-
Số dư cuối năm	3.791.092.427	-

(ix) D009

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	169.279.197.740	-
<i>Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác</i>	50.000.379.001	-
<i>Tiền thu từ bán cổ phiếu</i>	119.112.601.050	-
<i>Lãi tiền gửi đã nhận</i>	2.594.439	-
<i>Cổ tức đã nhận</i>	163.623.250	-
Giảm trong năm	(165.723.864.175)	-
<i>Tiền chi mua cổ phiếu</i>	(165.008.719.500)	-
<i>Tiền chi trả phí môi giới</i>	(367.480.941)	-
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	(173.181.947)	-
<i>Tiền chi trả phí lưu ký</i>	(55.369.186)	-
<i>Tiền chi trả thuế</i>	(119.112.601)	-
Số dư cuối năm	3.555.333.565	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

(x) D010

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	175.487.884.717	-
<i>Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác</i>	50.000.000.000	-
<i>Tiền thu từ bán cổ phiếu</i>	125.332.275.500	-
<i>Lãi tiền gửi đã nhận</i>	2.236.467	-
<i>Cổ tức đã nhận</i>	153.372.750	-
Giảm trong năm	(172.082.314.101)	-
<i>Tiền chi mua cổ phiếu</i>	(171.309.152.500)	-
<i>Tiền chi trả phí môi giới</i>	(383.675.882)	-
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	(209.744.818)	-
<i>Tiền chi trả phí lưu ký</i>	(54.408.625)	-
<i>Tiền chi trả thuế</i>	(125.332.276)	-
Số dư cuối năm	3.405.570.616	-

(xi) D011

	2025	2024
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	162.952.925.926	-
<i>Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác</i>	50.000.000.000	-
<i>Tiền thu từ bán cổ phiếu</i>	112.797.318.000	-
<i>Lãi tiền gửi đã nhận</i>	2.002.426	-
<i>Cổ tức đã nhận</i>	153.605.500	-
Giảm trong năm	(159.529.908.817)	-
<i>Tiền chi mua cổ phiếu</i>	(158.859.196.500)	-
<i>Tiền chi trả phí môi giới</i>	(351.277.757)	-
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	(153.340.172)	-
<i>Tiền chi trả phí lưu ký</i>	(52.821.870)	-
<i>Tiền chi trả thuế</i>	(112.797.318)	-
<i>Giảm khác</i>	(475.200)	-
Số dư cuối năm	3.423.017.109	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(xii) D012

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	101.384.220.448	-
<i>Tiền thu từ nhà đầu tư ủy thác</i>	50.000.000.000	-
<i>Tiền thu từ bán cổ phiếu</i>	51.365.150.000	-
<i>Lãi tiền gửi đã nhận</i>	1.400.448	-
<i>Cổ tức đã nhận</i>	17.670.000	-
Giảm trong năm	(97.376.231.967)	-
<i>Tiền chi mua cổ phiếu</i>	(97.081.635.000)	-
<i>Tiền chi trả phí môi giới</i>	(192.980.846)	-
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	(39.179.761)	-
<i>Tiền chi trả phí lưu ký</i>	(11.071.210)	-
<i>Tiền chi trả thuế</i>	(51.365.150)	-
Số dư cuối năm	4.007.988.481	-

(xiii) D013

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	277.100.445.011	-
<i>Tiền thu từ bán cổ phiếu</i>	275.949.679.500	-
<i>Lãi tiền gửi đã nhận</i>	6.206.794	-
<i>Cổ tức đã nhận</i>	1.144.558.717	-
Giảm trong năm	(236.080.162.463)	-
<i>Tiền chi mua cổ phiếu</i>	(234.311.545.000)	-
<i>Tiền chi trả phí môi giới</i>	(527.486.435)	-
<i>Tiền chi trả phí quản lý</i>	(402.814.770)	-
<i>Tiền chi trả phí lưu ký</i>	(39.900.279)	-
<i>Tiền chi trả thuế</i>	(798.415.979)	-
Số dư cuối năm	41.020.282.548	-

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

20. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Các nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Cổ phiếu niêm yết	1.198.016.605.979	357.643.185.231
Cổ phiếu chưa niêm yết	20.871.471.202	25.342.990.536
Trái phiếu niêm yết	-	102.690.198.660
Trái phiếu chưa niêm yết	-	28.173.061.101
Tiền gửi có kỳ hạn	32.000.000.000	44.150.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	-	23.000.000.000
	1.250.888.077.181	580.999.435.528

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết danh mục đầu tư nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác và do các nhà đầu tư này đứng tên như sau:

Cổ phiếu niêm yết

Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên

	Mã chứng khoán	Số lượng	31/12/2025		Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	31/12/2024		Dự phòng giảm giá VND
			Giá gốc VND	Giá thị trường VND			Giá gốc VND	Giá thị trường VND	
▪ Công ty Cổ phần FPT	FPT	473.200	46.225.938.027	45.332.560.000	(893.378.027)	338.688	37.071.503.883	51.649.920.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	MWG	1.361.900	110.124.402.259	120.391.960.000	-	492.200	28.203.562.988	30.024.200.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	CTG	1.817.399	62.180.751.466	64.972.014.250	-	705.000	24.089.360.763	26.649.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	630.500	16.169.963.278	16.645.200.000	-	683.400	17.977.309.197	18.212.610.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB	1.141.900	61.729.856.955	66.230.200.000	-	485.900	15.974.454.371	17.929.710.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	TCB	2.096.092	73.750.807.204	73.153.610.800	(597.196.404)	665.400	14.815.017.633	16.402.110.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	2.625.500	75.636.856.566	75.220.575.000	(416.281.566)	710.400	14.145.290.568	13.639.680.000	(505.610.568)
▪ Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	FRT	7.000	1.062.583.288	1.046.500.000	(16.083.288)	82.780	13.407.886.952	15.363.968.000	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang	DGC	-	-	-	-	111.680	12.203.057.402	13.021.888.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH	558.300	18.172.734.019	17.586.450.000	(586.284.019)	324.480	11.236.727.447	11.713.728.000	-
▪ Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	SZC	-	-	-	-	267.000	11.207.750.378	11.320.800.000	-
▪ Công ty Cổ phần GEMADEPT	GMD	183.700	11.755.640.115	11.205.700.000	(549.940.115)	171.400	10.966.801.169	11.175.280.000	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	VIB	-	-	-	-	521.600	9.832.004.516	10.275.520.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	-	-	-	-	368.000	9.020.208.415	9.494.400.000	-
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecons	CTD	22.600	1.787.392.364	1.717.600.000	(69.792.364)	121.800	8.256.478.290	8.367.660.000	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	CTR	30.500	2.684.353.549	2.601.650.000	(82.703.549)	61.500	7.620.876.041	7.656.750.000	-
▪ Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	PNJ	-	-	-	-	74.680	6.934.766.638	7.311.172.000	-
▪ Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	HVN	171	1.710.000	4.257.900	-	246.800	6.548.212.877	7.070.820.000	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư VRG Sài Gòn	SIP	-	-	-	-	71.980	6.023.390.528	5.981.538.000	(41.852.528)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR	181.200	3.591.834.975	3.406.560.000	(185.274.975)	261.600	5.469.709.780	5.415.120.000	(54.589.780)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	HAH	-	-	-	-	110.800	5.266.025.234	5.484.600.000	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	SSI	1.269.500	39.916.393.580	38.402.375.000	(1.514.018.580)	183.680	4.730.434.547	4.784.864.000	-
▪ Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc	KBC	242.600	8.363.251.518	8.575.910.000	-	164.800	4.632.320.300	4.482.560.000	(149.760.300)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	IDC	45.900	1.840.988.015	1.670.760.000	(170.228.015)	88.000	4.605.704.053	4.901.600.000	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	CMG	-	-	-	-	88.280	4.461.053.475	4.347.790.000	(113.263.475)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	DXS	355.300	3.589.715.140	3.222.571.000	(367.144.140)	594.300	4.400.515.462	4.278.960.000	(121.555.462)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo)
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên (tiếp theo)

	Mã chứng khoán	Số lượng	31/12/2025		Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	31/12/2024		Dự phòng giảm giá VND
			Giá gốc VND	Giá thị trường VND			Giá gốc VND	Giá thị trường VND	
▪ Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	VTP	10.900	1.203.611.045	1.076.920.000	(126.691.045)	1.000	116.402.171	136.900.000	-
▪ Tập đoàn Bảo Việt	BVH	43.700	2.351.881.652	2.482.160.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	DBC	535.100	14.951.140.979	14.474.455.000	(476.685.979)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Thế Giới Số	DGW	110.700	4.444.159.765	4.317.300.000	(126.859.765)	-	-	-	-
▪ Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	DIG	120.014	2.287.282.234	2.010.234.500	(277.047.734)	-	-	-	-
▪ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	EVF	206.300	2.445.905.000	2.279.615.000	(166.290.000)	-	-	-	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	GEX	304.700	13.122.973.896	13.284.920.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	HHS	54.400	804.895.000	680.000.000	(124.895.000)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	HHV	105.800	1.510.140.000	1.391.270.000	(118.870.000)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	MCH	5.800	1.234.524.617	1.287.600.000	-	-	-	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Nam Á	NAB	103.100	1.472.735.000	1.474.330.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả	PC1	86.880	1.930.261.550	1.959.144.000	-	-	-	-	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	PVT	90.200	1.643.675.000	1.659.680.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	SCS	14.500	797.500.000	745.300.000	(52.200.000)	-	-	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	SHB	1.774.100	29.765.316.564	29.006.535.000	(758.781.564)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Á Đại Thành	TAL	568.600	24.776.354.031	29.339.760.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tân Cảng	TCX	505.600	23.770.270.122	23.763.200.000	(7.070.122)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	TLG	1.000	54.742.693	49.700.000	(5.042.693)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	TNG	30.900	566.020.000	562.380.000	(3.640.000)	-	-	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB	274.275	4.996.475.000	4.690.102.500	(306.372.500)	-	-	-	-
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VCB	74.900	4.604.589.870	4.306.750.000	(297.839.870)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM	995.700	101.667.320.992	123.466.800.000	-	-	-	-	-
▪ Tập đoàn Vingroup	VIC	667.500	79.839.069.839	113.208.000.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	VIX	786.500	19.704.925.132	17.696.250.000	(2.008.675.132)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	VJC	64.200	12.800.134.170	13.417.800.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	VND	1.503.900	28.975.404.365	29.250.855.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	VNM	184.800	11.846.419.665	11.309.760.000	(536.659.665)	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Vinpearl	VPL	30.200	2.750.701.269	2.844.840.000	-	-	-	-	-



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

	Mã chứng khoán	Số lượng	31/12/2025		Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	31/12/2024		Dự phòng giảm giá VND
			Giá gốc VND	Giá thị trường VND			Giá gốc VND	Giá thị trường VND	
Cổ phiếu niêm yết (tiếp theo)									
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên (tiếp theo)									
▪ Công ty Cổ phần Vincom Retail	VRE	668.100	21.400.074.179	22.481.565.000	-	-	-	-	-
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BSI	-	-	-	-	6.800	322.473.264	330.480.000	-
▪ Công ty Cổ phần Nam Việt	ANV	-	-	-	-	9.300	191.580.000	184.140.000	(7.440.000)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	VPX	444.400	14.671.109.550	13.243.120.000	(1.427.989.550)	-	-	-	-
			1.198.016.605.979	1.278.175.890.650	(16.538.516.978)		357.643.185.231	385.558.404.000	(2.408.271.218)
Cổ phiếu chưa niêm yết									
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪ Ngân hàng TMCP An Bình	ABB	1.318.000	20.871.471.202	21.219.800.000	-	-	-	-	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	VGI	-	-	-	-	75.900	6.703.332.752	6.960.030.000	-
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	MCH	-	-	-	-	27.860	6.483.274.205	7.104.300.000	-
▪ Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam	ACV	-	-	-	-	36.400	4.386.563.306	4.582.760.000	-
▪ Tổng Công ty Máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam	VEA	-	-	-	-	69.100	2.969.991.660	2.750.180.000	(219.811.660)
▪ Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi	QNS	-	-	-	-	47.500	2.419.117.603	2.375.000.000	(44.117.603)
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Việt Nam	TTN	-	-	-	-	100.400	2.130.711.010	2.339.320.000	-
▪ Tổng Công ty Dầu Việt Nam	OIL	-	-	-	-	20.000	250.000.000	240.000.000	(10.000.000)
			20.871.471.202	21.219.800.000	-		25.342.990.536	26.351.590.000	(273.929.263)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã chứng khoán	Số lượng	31/12/2025		Dự phòng giảm giá VND	31/12/2024		Dự phòng giảm giá VND	
			Giá gốc VND	Giá thị trường VND		Giá gốc VND	Giá thị trường VND		
Trái phiếu niêm yết									
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu tư Địa ốc No Va	NVLH2124002	-	-	-	-	675.000	66.806.183.836	51.969.600.000	(14.836.583.836)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	VNTNG1220171	-	-	-	-	150.000	15.002.398.232	15.260.149.350	-
▪ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	VNHDH1240184	-	-	-	-	88.728	8.882.358.405	8.853.943.437	(28.414.968)
▪ Công ty cổ phần Masan Meatlife	VNMMML1210211	-	-	-	-	70.000	6.999.258.187	7.062.815.900	-
▪ Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần	VNVIC1230282	-	-	-	-	50.000	5.000.000.000	4.955.760.850	(44.239.150)
			-	-	-		102.690.198.660	88.102.269.537	(14.909.237.954)

Trái phiếu chưa niêm yết									
Danh mục đầu tư do nhà đầu tư đứng tên									
▪	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền	VN0KDH122027	-	-	-	-	150	15.171.175.142	Chưa xác định
▪	Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền	VN0KDH121011	-	-	-	-	13	13.001.885.959	Chưa xác định
				-	-	-	28.173.061.101		

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Mệnh giá của các trái phiếu chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Trái phiếu chưa niêm yết	-	28.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	32.000.000.000	44.150.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	-	23.000.000.000
	32.000.000.000	95.150.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán chưa niêm yết nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các chứng khoán này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Thông tư 125 hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

21. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2025 Giá gốc VND	31/12/2024 Giá gốc VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Phải thu trái phiếu đáo hạn	53.288.550.000	23.204.375.347
Phải thu từ bán chứng khoán	86.261.290.359	27.092.291.284
Quyền mua cổ phiếu	2.224.752.000	-
Lãi phải thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	201.191.782	990.874.109
Lãi phải thu từ trái phiếu doanh nghiệp	-	1.170.232.314
	141.975.784.141	52.457.773.054

22. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Danh mục do nhà đầu tư đứng tên		
Phí quản lý danh mục đầu tư	1.273.020.658	1.106.148.269

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

23. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bao gồm:

	2025 VND	2024 VND
Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	697.441.181.299	755.887.091.353
Phí quản lý		
▪ Hoạt động quản lý quỹ (i)	338.597.099.443	293.068.371.232
▪ Hoạt động quản lý danh mục đầu tư ủy thác (ii)	10.384.314.019	4.016.294.016
Phí mua lại chứng chỉ quỹ (iii)	20.735.224.813	7.638.397.378
Phí phát hành chứng chỉ quỹ (iii)	-	204.000.000
Doanh thu từ phí thường hoạt động (iv)	7.926.127.940	-
	1.075.083.947.514	1.060.814.153.979

- (i) Công ty hiện đang quản lý các quỹ DCDS, DCDE, DCBF, DCIP, VFMVFA, VFMVSF, E1VFN30, FUEVFN30 và FUEDCMID là các quỹ đầu tư chứng khoán; VINHAN, PHUCAN và THINHAN là các quỹ hưu trí. Tất cả các quỹ này đều được thành lập tại Việt Nam. Trong đó, VFMVFA đang trong quá trình giải thể. Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Loại hình	Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2025 VND	Giá trị tài sản ròng tại ngày 31/12/2024 VND
DCDS	Quỹ mở	▪ Số 05/GCN-UBCK ngày 8/10/2013 và Số 17/GCN-UBCK ngày 24/5/2021	5.774.035.742.450	2.864.542.092.297
DCDE	Quỹ mở	▪ Số 06/GCN-UBCK ngày 16/12/2013, Số 15/GCN-UBCK ngày 24/5/2021 và Số 364/GCN-UBCK ngày 17/10/2023	879.911.573.734	560.458.313.564
DCBF	Quỹ mở	▪ Số 04/GCN-UBCK ngày 10/6/2013 và Số 16/GCN-UBCK ngày 24/5/2021	1.779.189.849.357	1.648.574.048.482
DCIP	Quỹ mở	▪ Số 36/GCN-UBCK ngày 3/4/2019 và Số 14/GCN-UBCK ngày 24/5/2021	1.342.342.349.852	1.179.091.760.772
VFMVFA	Quỹ mở	▪ Số 03/UBCK-GCN ngày 18/4/2013	30.970.678	30.970.678
VFMVSF	Quỹ mở	▪ Số 31/GCN-UBCK ngày 2/3/2018	9.231.246.118.050	7.803.375.676.531
E1VFN30	Quỹ hoán đổi danh mục	▪ Số 14/GCN-UBCK ngày 18/9/2014 và Số 06/GCN-UBCK ngày 28/4/2021	6.629.912.008.819	6.771.293.303.542
FUEVFN30	Quỹ hoán đổi danh mục	▪ Số 43/GCN-UBCK 22/4/2020 và Số 13/GCN-UBCK ngày 24/5/2021	13.579.217.103.837	12.665.923.659.404
FUEDCMID	Quỹ hoán đổi danh mục	▪ Số 40/GCN-UBCK ngày 23/8/2022	340.284.637.392	360.957.747.760
VINHAN	Quỹ mở	▪ Số 01/GCN-QLQHTBSTN ngày 15/5/2019 và Thông báo số 047/DCVFM/TB-QHTBSTN ngày 26/1/2021	43.034.145.121	29.666.377.174
PHUCAN	Quỹ mở		80.947.146.083	53.630.140.757
THINHAN	Quỹ mở		138.199.504.468	90.558.328.614

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Công ty được nhận phí quản lý từ các quỹ DCDS, DCDE, DCBF, DCIP, VFMVSF, FUEVFN30, FUEDCMID, VINHAN, PHUCAN, THINHAN như sau:

Quỹ	Phí quản lý
DCDS	1,95% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCDE	1,93% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCBF	1,20% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
DCIP	1,20% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
VFMVSF	0,75% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
E1VFN30	0,65% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
FUEVFN30	0,80% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
FUEDCMID	0,80% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
VINHAN	1,10% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
PHUCAN	1,30% của giá trị tài sản ròng mỗi năm
THINHAN	1,50% của giá trị tài sản ròng mỗi năm

(ii) Công ty đã ký các hợp đồng ủy thác đầu tư với các nhà đầu tư ủy thác, theo đó Công ty được nhận phí quản lý và phí thưởng hoạt động. Phí thưởng hoạt động chỉ được nhận nếu các điều kiện nhất định được nêu trong các hợp đồng đầu tư ủy thác được đáp ứng.

(iii) Công ty cũng được nhận phí từ việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ như sau:

Quỹ	Tổng phí phát hành	Tổng phí mua lại
DCDS	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 1,50% giá trị chứng chỉ quỹ
DCDE	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 1,50% giá trị chứng chỉ quỹ
DCBF	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 1,00% giá trị chứng chỉ quỹ
DCIP	0,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
VFMVSF	0,00% - 3,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
E1VFN30	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
FUEVFN30	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
FUEDCMID	0,00% giá trị phát hành	0,00% - 0,15% giá trị chứng chỉ quỹ
VINHAN	0,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
PHUCAN	0,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ
THINHAN	0,00% giá trị phát hành	0,00% giá trị chứng chỉ quỹ

(iv) Doanh thu từ phí thưởng hoạt động là khoản tiền thưởng mà Công ty được hưởng khi tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư chứng khoán, giá trị danh mục ủy thác đầu tư do Công ty quản lý tăng cao hơn so với một tỷ lệ tham chiếu được nhà đầu tư chấp thuận.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2025 VND	2024 VND
Lãi từ bán cổ phiếu chưa niêm yết	8.586.760.000	-
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi	7.437.532.885	15.184.105.586
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.358.874.716	11.594.474.341
Thu nhập lãi từ thanh lý chứng chỉ quỹ	-	71.159.079.249
Lãi từ bán trái phiếu doanh nghiệp	-	2.532.987.223
	23.383.167.601	100.470.646.399

25. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính (Thuyết minh 5(b))	(1.807.047.624)	(555.803.258)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	713.466.378	1.438.868.875
Phí ngân hàng	410.832.771	351.745.791
Chi phí tài chính khác	-	9.655.770
	(682.748.475)	1.244.467.178

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	569.267.651.823	504.560.212.293
Chi phí thuê văn phòng và các chi phí liên quan	101.178.775.322	100.085.816.129
Chi phí giới thiệu khách hàng	67.511.908.188	48.812.660.169
Phí quảng cáo, phí đăng báo	23.417.536.620	38.770.768.391
Khấu hao và phân bổ	43.341.124.881	34.716.246.152
Phí dịch vụ chuyên môn	11.261.484.476	32.386.605.033
Chi phí thu thập thông tin	12.567.051.275	25.633.276.236
Phí công tác và phí đi lại	13.890.075.780	22.074.994.000
Phí đào tạo và hội thảo	16.461.984.467	20.552.697.118
Chi phí tài trợ	2.033.525.000	7.267.425.556
Chi phí chăm sóc khách hàng	9.168.016.760	9.041.372.753
Chi phí thuê nhà cho nhân viên nước ngoài	7.725.206.503	8.895.820.230
Chi phí tiếp khách	2.286.743.945	4.162.331.682
Chi phí tuyển dụng	508.809.600	2.304.623.966
Chi phí khác	4.044.851.364	4.001.571.529
	884.664.746.004	863.266.421.237

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

27. Chi phí khác

	2025 VND	2024 VND
Chi phí xóa sổ phần mềm máy vi tính	63.972.003.162	-

28. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	42.349.259.630	61.286.910.515
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	307.959.971
	42.349.259.630	61.594.870.486
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(8.820.005.043)	(238.558.109)
	33.529.254.587	61.356.312.377

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	150.524.555.424	296.773.911.963
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	30.104.911.085	59.354.782.393
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.424.343.502	1.693.570.013
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	307.959.971
	33.529.254.587	61.356.312.377

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
		2025 VND	2024 VND	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Các quỹ do Công ty quản lý					
▪ DCDS	Phí quản lý quỹ	71.869.526.859	41.186.711.622	9.258.286.275	4.673.049.304
	Phí mua lại chứng chỉ quỹ	14.662.025.810	4.105.032.892	3.936.569.697	445.458.592
▪ DCDE	Phí quản lý quỹ	12.766.101.965	9.958.624.277	1.393.083.015	913.819.922
	Phí mua lại chứng chỉ quỹ	1.940.485.840	1.050.377.315	236.567.790	116.966.775
▪ DCBF	Phí quản lý quỹ	20.793.162.170	14.826.392.925	1.894.697.942	1.650.065.860
	Phí mua lại chứng chỉ quỹ	4.132.713.163	2.482.987.171	661.566.675	405.658.375
▪ DCIP	Phí quản lý quỹ	18.318.396.907	20.283.808.055	1.743.919.278	1.074.647.304
▪ E1VFN30	Phí quản lý quỹ	39.600.710.417	47.826.215.392	3.519.791.379	3.735.243.258
▪ VFMVSF	Phí quản lý quỹ	70.346.357.422	42.306.724.994	5.803.629.802	4.871.286.992
	Phí phát hành chứng chỉ quỹ	-	204.000.000	-	-
▪ FUEVFNVD	Phí quản lý quỹ	99.089.727.573	112.674.809.898	8.960.536.293	8.443.362.273
▪ FUEDCMID	Phí quản lý quỹ	2.920.513.167	2.440.644.982	233.178.927	243.350.602
▪ PHUCAN	Phí quản lý quỹ	851.128.662	462.454.831	88.618.247	55.262.125
▪ THINHAN	Phí quản lý quỹ	1.648.102.532	952.031.922	174.169.631	107.280.892
▪ VINHAN	Phí quản lý quỹ	393.371.769	149.952.334	40.327.221	149.952.334
Công ty liên quan khác					
Dragon Capital Management (HK) Limited	Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	697.441.181.299	755.887.091.353	82.233.858.340	84.188.504.298

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ủy ban Kiểm Toán
 Tiền lương, thưởng và phúc lợi khác

Thành viên Ban Giám Đốc
 Tiền lương, thưởng và phúc lợi khác

	2025 VND	2024 VND
	29.815.260.388	25.924.500.000
	19.944.676.000	15.227.750.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	116.995.300.837	235.417.599.586
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng	-	(7.855.978.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>116.995.300.837</u>	<u>227.561.621.586</u>

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2025 Cổ phiếu	2024 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	31.201.143	31.141.943
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành trong năm	-	38.173
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	<u>31.201.143</u>	<u>31.180.116</u>

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2025 VND	2024 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.750</u>	<u>7.298</u>

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do đó việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

31. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán

	2025	2024
	VND	VND
Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính	397.440.000	509.760.000
Phí cho các dịch vụ khác	398.552.400	959.040.000

32. Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này ở Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ cơ quan thuế này đến cơ quan thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm nộp thuế. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc Công ty tin rằng họ đã xác định đầy đủ nghĩa vụ thuế phải trả dựa trên diễn giải của họ về luật thuế bao gồm các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

33. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	168.040.094.268	258.503.566.906
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	(iii)	130.275.788.684	112.180.057.175
Phải thu ngắn hạn khác	(iii)	577.058.390	864.850.380
Phải thu dài hạn khác	(iii)	8.438.548.420	8.156.383.720
		307.331.489.762	379.704.858.181

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác

Phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu từ hoạt động tư vấn đầu tư và quản lý quỹ, phải thu lãi từ tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu từ hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ các quỹ thuộc quản lý của Công ty. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu từ hoạt động tư vấn được xem là thấp do đây là các khoản phải thu liên quan đến cổ đông lớn của Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro tín dụng tối đa mà Công ty phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác.

Không có khoản phải thu nào bị quá hạn hoặc bị tổn thất tại các ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	2.332.622.225	2.332.622.225	2.332.622.225
Chi phí phải trả ngắn hạn	19.963.085.033	19.963.085.033	19.963.085.033
Phải trả ngắn hạn khác	6.216.302.375	6.216.302.375	6.216.302.375
	28.512.009.633	28.512.009.633	28.512.009.633

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán ngắn hạn	19.011.197.845	19.011.197.845	19.011.197.845
Chi phí phải trả ngắn hạn	21.056.508.762	21.056.508.762	21.056.508.762
Phải trả ngắn hạn khác	6.216.302.375	6.216.302.375	6.216.302.375
	46.284.008.982	46.284.008.982	46.284.008.982

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng	3.040.094.268	8.503.566.906
Các khoản tương đương tiền	165.000.000.000	250.000.000.000
	168.040.094.268	258.503.566.906

(ii) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Công ty có các khoản tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Bằng USD		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	956.764.622	2.689.926.831
▪ Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	82.233.858.340	84.188.504.298
	83.190.622.962	86.878.431.129

Nếu USD mạnh lên hoặc yếu đi 3% so với VND (31/12/2024: 5%) với tất cả các yếu tố khác không đổi thì mức tăng hoặc giảm tương ứng của lợi nhuận sau thuế sẽ là 1.996.574.951 VND (31/12/2024: 3.475.137.245 VND).

(iii) Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính sẽ giảm do biến động của chỉ số giá cổ phiếu và giá trị của các chứng khoán đơn lẻ.

Công ty đầu tư vào chứng chỉ quỹ niêm yết và không niêm yết. Giá trị của các cổ phiếu này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá cổ phiếu bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá thị trường của các chứng chỉ quỹ niêm yết do Công ty nắm giữ là 362.434.400.000 VND (31/12/2024: 234.836.000.000 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 41% tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (31/12/2024: tăng hoặc giảm 12%) trong khi tất cả các yếu tố khác không đổi, lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ không thay đổi hoặc giảm tương ứng là 65.655.406.170 VND (31/12/2024: tăng 42.642.760 VND hoặc giảm 9.814.656.000 VND tương ứng).

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Rủi ro giá cổ phiếu đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết của Công ty chủ yếu liên quan đến chứng chỉ quỹ chưa niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết tại Việt Nam. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng các phương pháp thích hợp có tính đến nhiều yếu tố, điều đó có nghĩa là các khoản đầu tư chưa niêm yết này cũng chịu rủi ro về giá cổ phiếu.

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
▪ Chứng chỉ quỹ	570.429.112.549	719.417.698.999	443.666.467.498	467.002.270.529
▪ Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	9.925.454.663	(*)
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	168.128.197.591	168.128.197.591	258.593.484.498	258.593.484.498
▪ Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	130.275.788.684	130.275.788.684	112.180.057.175	112.180.057.175
▪ Phải thu ngắn hạn khác	577.058.390	577.058.390	864.850.380	864.850.380
▪ Phải thu dài hạn khác	8.438.548.420	8.438.548.420	8.156.383.720	8.156.383.720
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả người bán	(2.332.622.225)	(2.332.622.225)	(19.011.197.845)	(19.011.197.845)
▪ Chi phí phải trả	(19.963.085.033)	(19.963.085.033)	(21.056.508.762)	(21.056.508.762)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	(6.216.302.375)	(6.216.302.375)	(6.216.302.375)	(6.216.302.375)

- (*) Đối với cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Chứng khoán kinh doanh

Đối với chứng khoán niêm yết (chứng chỉ quỹ niêm yết), giá trị hợp lý là giá đóng cửa vào ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với chứng chỉ quỹ mở chưa niêm yết, giá trị hợp lý là giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được quỹ công bố.

Các công cụ tài chính khác

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Ông Nguyễn Hữu Tuấn
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Ông Nguyễn Ngọc Hiệp
Kế toán trưởng



Ông Lê Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

